

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC

Năm 2022

(Kèm theo Quyết định số 15/QĐ-MNHS ngày 02/02/2023 của Trường Mầm non Hoa Sen)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu					
A	Tổng số thu	30	30			
1	Số thu phí, lệ phí					
11	Lệ phí					
12	Phí					
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	27	27			
3	Thu sự nghiệp khác	3	3			
B	Chi từ nguồn thu được để lại	8	8			
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
11	Chi sự nghiệp					
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
12	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	8	8			
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
C	Số thu nộp NSNN					
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN					
11	Lệ phí					
12	Phí					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	1.846	1.846	1.073	773	
1	Chi quản lý hành chính					
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Nghiên cứu khoa học					
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ					
	- Nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở					
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	1.846	1.846	1.073	773	

STT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.515	1.515	1.073	442	
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	331	331		331	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
5	Chi bảo đảm xã hội					
51	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
52	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
6	Chi hoạt động kinh tế					
61	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
62	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
71	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
72	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
81	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
82	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
91	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
92	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
101	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
102	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
11	Chi Chương trình mục tiêu					
111	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia					
112	Chi Chương trình mục tiêu					